

Tiến An Ngày 15 Tháng 01 Năm 2025

	Diễn giải	Nhà Trú		Mẫu Giáo		Tổng Cộng	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	Chênh lệch đầu ngày		16.435		121.984		138.419
2	Xuất ăn trong ngày	46		227		273	
3	Tiêu chuẩn trong ngày		1.702.000		8.399.000		10.101.000
4	Được chi trong ngày		1.718.435		8.520.984		10.239.419
5	Đã chi trong ngày		1.713.448		8.350.327		10.063.775
	* xuất kho		375.000		2.125.000		2.500.000
	Sữa bột Vus-sure Gold A+	1,50	375.000	8,50	2.125.000	10,00	2.500.000
	* Chi chợ		1.338.448		6.225.327		7.563.775
1	Gạo tẻ	2,00	54.600	15,50	423.150	17,50	477.750
2	Dầu ăn TA	0,00	0	1,00	66.960	1,00	66.960
3	Dầu ăn TA 0,4L	1,00	32.400	0,00	0	1,00	32.400
4	Nước mắm	0,20	15.768	0,80	63.072	1,00	78.840
5	Đường gói 1kg	0,50	19.425	2,50	97.125	3,00	116.550
6	Muối	0,00	0	1,00	5.500	1,00	5.500
7	Hành tím	0,02	1.365	0,18	12.285	0,20	13.650
8	Hành lá	0,02	1.575	0,18	14.175	0,20	15.750
9	Tỏi	0,02	1.575	0,18	14.175	0,20	15.750
10	Ngò rí	0,02	2.940	0,18	26.460	0,20	29.400
11	Bì đỏ	0,50	24.150	1,50	72.450	2,00	96.600
12	Giò heo rút xương	0,50	89.250	3,00	535.500	3,50	624.750
13	Chuối cau	2,00	94.500	12,00	567.000	14,00	661.500
14	Đậu hũ non	10,00	54.000	40,00	216.000	50,00	270.000
15	Đu đủ hương	1,00	29.925	9,00	269.325	10,00	299.250
16	Trái gấc	0,50	26.250	1,50	78.750	2,00	105.000
17	Thịt bò đùi	2,00	672.000	8,50	2.856.000	10,50	3.528.000
18	Thịt nạc dằm	0,50	97.125	0,00	0	0,50	97.125
19	Bánh bông lan	10,00	75.600	90,00	680.400	100,00	756.000
	Gas		46.000		227.000		273.000
6	X.ân LK từ đ.tháng	463		2.204		2.667	
7	TC LK từ đ.tháng		17.131.000		81.548.000		98.679.000
8	Đã chi LK từ đ.tháng		17.126.013		81.377.343		98.503.356
9	Ch. lệch cuối ngày		4.987		170.657		175.644

KẾ TOÁN

 Phạm Thị Thùy Trang

NGƯỜI DUYỆT

 TRƯỞNG
 MÃM NON
 24B
 Thị Anh Lan